

KÝ VÃN NGUYÊN NAM KỲ KINH LƯỢC ĐẠI THẦN PHAN LƯƠNG KHÊ CÔNG

(寄輓原南圻經畧大臣潘梁谿公)



N° 10608

Phan than Gian, 68 ans.
Vice Grand Censeur du Royaume
Annamite né à Vinh-Long.

Ký Vãn
Nguyên Nam Kỳ Kinh Lược Đại Thần
Phan Lương Khê Công
(寄輓原南圻經畧大臣潘梁谿公)

***

Nguyễn Duy Chính phiên dịch

***



n° 16669.

Phan phu Chu, 44 ans,

1er Secrétaire au Ministère de l'Intérieur,

Annamite.

BÀI TƯỞNG NIỆM CỤ PHẠM PHÚ THỨ VIẾNG CỤ PHAN THANH GIẢN

(Ký Vãn Nguyên Nam Kỳ Kinh Lược Đại Thần Phan Lương Khê Công)

(寄輓原南圻經畧大臣潘梁谿公)

***

Đây là bản dịch của bài văn tế [1] cụ Phan Thanh Giản do cụ Phạm Phú Thứ viết sau khi cụ Phan Thanh Giản từ trần.

Phạm Phú Thứ biệt hiệu *Giá Viên* chính là giáp phó sứ [2] trong phái đoàn Phan Thanh Giản khi sang Pháp điều đình việc chuộc lại ba tỉnh miền đông Nam Kỳ bị mất về tay người Pháp.

---

[1]Ký vãn 寄輓: gửi người đã khuất. Một loại điếu văn.

[2]Giáp phó sứ: Phó sứ số 1, Ất phó sứ: phó sứ số 2. Hai chức vụ này còn gọi là phó sứ và bồi sứ.

Bài điếu văn này đã xuất hiện ở nhiều nơi nhưng vẫn ít người biết đến. Trong bản dịch này chúng tôi tham khảo:

1. Bản chữ Hán (viết tay) trích từ tập 11 trong *Giá Viên Toàn Tập* (do Phạm Phú Viết giới thiệu là Tư Liệu Nội Bộ trong gia tộc Phạm Phú) từ trang 89-99. Bản này do giáo sư Phạm Phú Minh cung cấp.

2. Bản chữ Hán trích từ tác phẩm *Phan Thanh Giản 1796-1867 et sa famille d'après quelques documents annamites* do Pierre Daudin và Lê Van Phuc soạn[3]. Ngoài ra có bản dịch bằng tiếng Pháp, chú giải kỹ lưỡng nhan đề « *Elégie composée en 1867 par Pham-phu-Thu à la mémoire de S. E. Phan-thanh-Gian dit Phan-luong-Khê, ex-Vice-Roi de Cochinchine* » (Điếu văn để truy niệm ngài Phan Thanh Giản tự Phan Lương Khê, cố tổng đốc Nam Kỳ)

3. Bản phiên âm và dịch trích từ quyển 7 trong *Kinh Hương thi lục*, Phạm Phú Thứ toàn tập[4] (PPTTT)(nxb Đà Nẵng, 2014) từ trang 749-757. Rất tiếc bản này không có nguyên văn chữ Hán.

Theo lời đề trong bản dịch tiếng Pháp (Daudin) thì bản chữ Hán được cung cấp bởi chính gia đình cụ Phan Thanh Giản ("*document communiqué par la famille de Phan-thanh-Gian*") nên tuy có một vài chỗ hơi khác với bản của gia tộc họ Phạm Phú nhưng chúng tôi vẫn coi là một văn bản có giá trị, nhất là đã được chấm câu kỹ lưỡng, phù hợp với ý nghĩa của toàn văn, nhất là liên hệ với thời cuộc.

---

[3]Daudin, Pierre, Lê Văn Phúc. ***Phan-Thanh-Gian, 1796-1867, et sa famille d'après quelques documents annamites***. Saigon : Imprimerie de l'Union ; Nguyễn Văn Của, 1941. (152 tr,)

[4] Phạm Phú Thứ. ***Phạm Phú Thứ toàn tập*** / Phạm Ngô Minh, Chương Thâu, và những người khác. Đà Nẵng : NXB Đà Nẵng, 2014 (2v.)

Chính bản chép tay của họ Phạm Phú cũng có một hai chữ có thể đã thay đổi khi sao chép, làm ý nghĩa câu văn bị khác đi. Ngoài ra, tình hình lúc bấy giờ rất nhiễu nhương, đa sự nên những chi tiết mà cụ Giá Viên Phạm Phú Thứ đề cập đến thật cũng không dám chắc là chỉ vào việc gì, chẳng hạn hai chữ nội hồng (內訌) mà Daudin dịch là "đấu đá nội bộ" (querelles intestines) không biết có phải nhắc đến việc vua Tự Đức tranh chấp với anh ruột là Hồng Bảo gây ra cái "loạn chày vôi" không?

Có lẽ đây là một bản "điếu văn" rất khác thường, tưởng như là một bản trường thi nói về tình thế lúc bấy giờ trong đó ẩn nhiều ý bi phẫn, đôi lúc bất toại chí của những đại thần kêu gọi canh tân nhưng triều đình không đáp ứng. Có lẽ đặt tên cho nó là "điếu văn" chỉ là một cách ngụy trang để cụ Phạm biện minh cho cụ Phan, trong lúc từ vua cho đến triều thần đều muốn kết tội cụ Phan, mà thật ra đã kết tội rất nặng nề.

Bài văn này có ưu điểm là cụ Phạm Phú Thứ không dùng điển tích Trung Hoa mà dùng toàn việc xảy ra trong nước mình. Tuy văn tế mà đọc rất bi tráng, nhất là cụ Phạm kể lại những «đấu tranh ngoại giao »; khi cùng đi với cụ Phan sang Pháp.

Bản dịch này là một công trình tổng hợp do tài liệu từ giáo sư Phạm Lệ-Hương, giáo sư Phạm Phú Minh và nhất là sự tiếp tay rất chu đáo của nghĩa đệ Nguyễn Vũ.

Nguyễn Duy Chính
11-2020

TEXTE CHINOIS (NDC)	PHẠM PHÚ THỨ TOÀN TẬP	BẢN DỊCH (NDC)
寄輓原南圻經畧大臣潘梁谿公	***Ký Vãn Nguyên Nam Kỳ Kinh Lược Đại Thần Phan Lương Khê Công***	
佛郎之國雄西方	*Phật lang chi quốc* [5] *hùng Tây phương*	Phật Lang (France) là nước hùng mạnh ở phương Tây
與我遠隔九萬里[之]重洋	*Dữ ngã viễn cách cửu vạn lý [chi] trùng dương*	Xa cách nước ta trùng dương chín vạn dặm
何年濟師恃有舊	*Hà niên tế sư thị hữu cựu*	Năm nào đã đem quân lấy cớ chuyện cũ
來請弛禁兼通商	*Lai thỉnh di* [6] *cấm kiêm thông thương* [7]	Đến xin bỏ lệnh cấm [đạo] và để cho hai bên buôn bán
再三投書不得志	*Tái tam* [8] *đầu thư bất đắc chí*	Mấy lần gửi thư nhưng không toại nguyện
狡焉嘯黨站據茶山傍	*Giảo yên khiếu đảng trạm cứ Trà Sơn bàng*	Xảo quyệt gọi những kẻ cùng bầy đến đóng chiếm bên cạnh Trà Sơn
和榮軍次屢見挫	*Hòa Vang* [9] *quân thứ lũ kiến tỏa*	Quân của ta ở Hoà Vang nhiều lần bị khốn khó

[5]Daudin: 佛郎**桀驁**雄西方 Phật lang *kiệt ngạo* hùng tây phương.

[6]Bản Giá Viên: 來請**恃**禁兼通商 Lai thỉnh *thí* (thị) cấm kiêm thông thương. Có lẽ chép sai.

[7]通商 thông thương: Giao thông và thương mại, xin tự do đi lại, tự do buôn bán.

[8]再三Tái tam: Đôi ba lần, nghĩa là nhiều lần, không nhất thiết chính xác là ba lần như bản Giá Viên/PPTTT giải thích "thư nộp đến ba lần"

[9]Bản Giá Viên: 和榮 'Hòa *Vinh*'. Phải đọc 'Hòa Vang' theo âm Hán Nôm. Địa danh có chữ *Vang*, hán tự ghi 榮 *Vinh*, ví dụ: *Nam Vang* được ghi là 南榮 *Nam Vinh*.

彼則爭利非爭長	*Bỉ tắc tranh lợi phi tranh trường*	[Nhưng] phía bên kia chỉ tranh lợi chứ không tính chuyện lâu dài
三年一旦棄之去	*Tam niên nhất đán khí chi khứ* [10]	Sau ba năm một sớm bỗng bỏ đi
他船復闖牛江渚	*Tha*[11] *thuyền phục sấm*[12] *Ngưu Giang chử*	Thuyền của chúng quay lại xông vào Bến Nghé
大屯終始亦三年	*Đại đồn* [13] *chung thủy diệc tam niên*	Đồn lớn [của ta] trước sau được ba năm
和則不成戰莫禦	*Hòa tắc bất thành chiến mạc ngự*	Hoà thì không xong mà đánh thì không giữ nổi
於是嘉定與邊祥	*Ư thị Gia Định dữ Biên, Tường*	Vì thế nên Gia [Định] cùng Biên [Hoà], [Định] Tường
遂為封豕長蛇併呑據	*Toại vi phong thỉ trường xà* [14] *tính thôn cứ* [15]	Đều bị quân hung dữ tham lam kia lấy mất
屈指軍興五稔申	*Khuất chỉ quân hưng ngũ nẫm thân* [16]	Bấm ngón tay việc dùng binh đã kéo dài năm mùa
殺人糜帑國幾空	*Sát nhân mi thảng quốc cơ không*	Chết nhiều người mà kh đụn của quốc gia trống rỗng

[10]Tháng 7 Mậu Ngọ (1858) thuỷ sư đề đốc Rigault de Genouilly đem 14 tàu chiến và 3.000 quân tấn công Đà nẵng. Cuối Kỷ Mùi (1859), thiếu tướng Joseph Page, người thay đề-đốc Rigault de Genouilly được lệnh đem quân sang Trung-Hoa trợ lực cho hải quân Pháp ở Hoàng Hải, bèn đốt cả dinh trại ở Trà Sơn rồi kéo vào Gia Định đặt 1.000 quân đồn trú trước khi sang Trung-Hoa

[11]Daudin:**賊**船 *Tặc* thuyền.

[12]PPTTT và Bản Giá Viên: 服**關** phục *quan*. Daudin: 服**闖** phục *sấm*. Phục quan là quay vào chặn ngang, phục sấm là quay về xông vào. Quân Pháp quả có vào tấn công Gia Định chứ không chỉ đóng chặn cửa biển Cần Giờ. Theo sử thì sau khi đánh thắng ở Trung Hoa, tháng Giêng Tân Dậu (1861) trung tướng Charner đã đem 70 tàu chiến và 3.500 ngàn quân quay về đánh vào Gia Định, Kỳ Hoà.

[13]Chỉ chiến luỹ KỳHoà do Nguyễn Tri Phương đắp năm Canh Thân (1860)

[14]封豕長蛇 kẻ thamlam tàn bạo.

[15]26-2-1861, Kỳ Hoà thất thủ.

[16]Dauddin: 稔**中** nẫm *trung*. Nẫm thân là vươn dài ra năm mùa.

九重憂勞將臣恥	*Cửu trùng ưu lao tướng thần sỉ*	Nhà vua thì lo lắng, khó nhọc còn tướng lãnh bầy tôi thì hổ thẹn
豈虞小醜生內訌	*Khởi ngu tiểu xú sinh nội hồng* [17]	Trong khi đang có chuyện lo thì trong nước lại có loạn
北匪乘虛蠢動	*Bắc phỉ thừa hư xuẩn nhiên động* [18]	Giặc ở phía bắc nhân kẽ hở mà nổi lên
海安西北處處如屯蜂	*Hải Yên Tây Bắc xứ xứ giai đồn phong*	Các xứ Hải [Dương], [Quảng] Yên, [Sơn] Tây, Bắc [Ninh] đều ùn ùn như bầy ong
是辰[19]星孛兼旱水	*Thị thời tinh bột*[20] *kiêm hạn thủy*	Khi đó thì có sao chổi lại thêm hạn hán lũ lụt

[17]Nội hồng 內訌: đấu đá nội bộ. Sử sách nhà Thanh giai đoạn này dùng chữ *nội hồng* để trỏ đấu đá nội bộ của Tây Sơn Nguyễn Nhạc-Nguyễn Huệ. (*Nội hồng* 內訌 nghĩa là anh em trong nhà tranh chấp, chém giết nhau). Có thể Phạm Phú Thứ muốn mượn chữ *nội hồng* ám chỉ cuộc nổi dậy Đoàn Hữu Trưng (1866) để đưa Đinh Đạo (tức Ưng Đạo, con trai trưởng của Hồng Bảo 洪保) lên thay Tự Đức (Hồng Nhậm 洪任) sau cuộc nội loạn của Hồng Bảo (1854) và Hồng Tập (1864) thất bại. Quân nổi dậy dùng chày vôi làm vũ khí, nên sử gọi sự kiện này là Loạn chày vôi hoặc Giặc chày vôi. Cuộc mưu phản thất bại,hậu duệ Hồng Bảo phải đổi sang họ mẹ là họ Đinh và bị xoá tên khỏi sổ Tôn Thất.Cả gia đình Hồng Bảo gồm 8 người là: *Đinh* Đạo 丁導, *Đinh* Tự 丁寺, *Đinh* Chuyên 丁傳, *Đinh* Tương 丁將, Thị Thụy 氏瑞 (vợ Hồng Bảo) và hai đứa con *Đinh* Đạo (một trai, một gái) đều bị xử giảo (treo cổ). Sử liệu chép: "Đứa con trai của *Đinh* Đạo mới 3 tuổi, bị thắt cổ đến 2 lần mà vẫn chưa chết, khi bỏ vào quan tài còn khóc oa oa".

[18]Đầu Nhâm Tuất (1862), giặc theo tên Phụng, tên Trường đánh phá rất ngặt ở Quảng-Yên và Hải-Dương. Nguyễn Văn Thịnh, tục gọi cai-tổng Vàng, thì phá rối ở Bắc-Ninh.

[19]Chữ *thời/thì* 時 vì kỵ huý tên vua Tự Đức nên viết thành *thìn* 辰 nhưng đọc *thời/thì*.

[20]Sao chổi Donati (多纳蒂彗星*Đa nạp đế tuệ tinh*) tháng 6 năm 1858.Sao chổi Tebbutt (泰布特彗星*Thái bố đặc tuệ tinh*) tháng 6 năm 1861.

自午至戌無歲止	*Tự ngọ chí tuất vô tuế chỉ*	Từ năm [Mậu] Ngọ (1858) đến năm [Nhâm] Tuất (1862) không năm nào là không có
運道併為梗	*Vận đạo tính vi ngạnh*	Đường sá đều tắc nghẽn
洋氛正如燬	*Dương phân chính như hủy*	Giặc bể thì lại ầm ầm
通山改漕更不效	*Thông sơn cải tào cánh bất hiệu*	Dùng đường núi hay đổi cách chở thuyền đều không hiệu quả
向匱民饑亂未弭	*Hướng quỹ dân cơ loạn vị nhị*	Lương hết, dân đói loạn không ngừng
朝廷服暴非佳兵	*Triều đình phục bạo phi giai binh*	Triều đình dẹp giặc nhưng không có lính giỏi
機苟可乘利傾否	*Cơ cẩu khả thừa lợi khuynh phủ*	Thời cơ đưa đến liệu có nghiêng đổ chăng
忽焉議和自戎始	*Hốt yên nghị hòa tự nhung thủy*	Bỗng dưng từ bên địch đưa ra ý bàn chuyện hoà
我則應之豈獲已	*Ngã tắc ứng chi khởi hoạch dĩ*	Ta phải hùa theo để nắm lấy
公與林公奉旨充全權	*Công dữ Lâm công phụng chỉ sung toàn quyền*	Ngài và ông Lâm [Duy Hiệp] nhận lệnh làm toàn quyền
量辰度力實憂天	*Lượng thời đạc lực thực ưu thiên*	Tính thời, đo sức thật lo chuyện trời sập
河靳既失之三省	*Hà cận ký thất chi tam tỉnh*[21]	Gần đây đã mất đi ba tỉnh
與四百萬之銀元	*Dữ tứ bách vạn chi ngân nguyên*	Cùng với bốn trăm vạn đồng tiền
鷹鸇一飽宜颺去	*Ưng chiên nhất bão nghi dương khứ*	Chim ưng tưởng no rồi sẽ bay đi

[21]Ngày 5 tháng 6 năm 1862, PhanThanh Giản-Lâm Duy Hiệp ký hoà ước với Louis Adolphe Bonard (Pháp) và Carlos Palanca y Gutierrez (Y-pha-nho) giao ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Định Tường

蛇龍之蟄方圖存	*Xà*[22] *long chi trập phương đồ tồn*	Rắn lớn náu mình ắt còn ở lại
強兵猛將轉而北	*Cường binh mãnh tướng chuyển nhi bắc*	Binh mạnh, tướng giỏi đưa về bắc
公私商載從此離燒燔	*Công tư thương tải tòng thử ly thiêu phiền*	Buôn bán qua lại công tư từ nay không còn bị đốt phá
北征將士遂戳力	*Bắc chinh tướng sĩ toại lục*[23] *lực*	Tướng sĩ ra đánh ở miền bắc lại cũng phải cố hết sức
募勇援剿益軍實	*Mộ dũng viện*[24] *tiễu ích quân thực*	Mộ binh dũng để tiếp tay tiễu trừ cốt giữ sức cho quân
拘原截海又五年	*Câu nguyên tiệt hải hựu ngũ niên*	Đánh dẹp trên bộ, ngăn cấm dưới biển cũng được năm năm
伏莽弄池乃粗熄	*Phục mãng lộng trì nãi thô tức*	Náu trong bụi, quậy hồ ao nay cũng đã dập tắt được
不教南掃靜鯨波	*Bất giao nam tảo*[25] *tĩnh kình ba*	Còn như ở biển phía nam thì sóng của cá kình chưa quét sạch
兩圻受敵無寧日	*Lưỡng kỳ thụ địch vô ninh nhật*	Hai kỳ đều gặp địch không ngày nào yên
是役之議然不然	*Thị dịch chi nghị nhiên bất nhiên*	Chiến dịch đó bàn nghị nên hay không nên
念此令人長太息	*Niệm thử linh nhân trường thái tức*	Nghĩ đến khiến cho người ta phải thở dài

[22]Bản Giá Viên viết là giao 蛟

23Daudin viết là trạc 戳. Giá Viên viết là lục 戮. Lục lực là “đồng tâm hết sức” có lý hơn

[24]Chữ này bản Giá Viên viết tay là thụ 授, không có nghĩa

[25]Bản Giá Viên viết là *tẩm* 浸

豺狼難厭恐難親	*Sài lang nan yếm khủng nan thân*	Lang sói không thể ghét mà cũng không thể thân cận được
小海之南方與鄰	*Tiểu hải*[26] *chi Nam phương dữ lân*	Biển nhỏ phía nam không thể không ở tiếp giáp với chúng
永隆江河實浮寄	*Vĩnh Long Giang Hà thực phù ký*	Ba tỉnh Vĩnh Long, [An] Giang, Hà [Tiên] thật chênh vênh
圖回此責讓誰人	*Đồ hồi thử trách nhượng thùy nhân*	Trách nhiệm lấy lại đất này giao cho ai được bây giờ
昨奉西浮志益壯	*Tạc phụng Tây phù chí ích tráng*	Trước đây đi sứ bên tây chí khí đã vững mạnh
全權今作正使君	*Toàn quyền kim tác chính sứ quân*	Giao cho toàn quyền bây giờ chính là về tay ông
堅持拜字不屈膝	*Kiên trì bái tự bất khuất tất* [27]	Khi từ biệt dặn dò rằng không được uốn gối (quì lạy theo lễ nước ta)
寧收故疆多贖銀	*Ninh thu cố cương đa thục ngân*	Để lấy lại được đất đai thì phải đền cho họ nhiều tiền
金繒歲幣從古事	*Kim hội tuế tệ* [28] *tòng cổ sự*	Vàng bạc vải vóc hàng năm giống như chuyện ngày xưa
不致不納我已伸	*Bất trí bất nạp ngã dĩ thân*	Không thể không nạp nên ta đành phải chịu

[26]Daudin chú thích là"*chỉ Cửa Tiểu của sông Mékong*".

[27] Vua Tự Đức căn dặn sứ bộ: "… *Chư khanh đừng quên rằng mình là sứ-bộ thay mặt cho một nước muốn thương thuyết một cách xứng đáng, không như những lần trước đi sứ bên Trung-quốc, chư khanh phải giữ tư-cách xứng đáng của bậc phương-diện quốc-gia. Nếu phải vào triều-kiến Nã-Phá-Luân đệ-tam thì chư khanh nên cúi đầu là đủ rồi, chứ đừng lạy*".

[28]Tuế tệ:Thời Bắc Tống hàng năm phải triều cống cho Khiết Đan vải vóc, tiền bạc để cho được yên thân

千載機來却遺恨	*Thiên tải cơ lai khước di hận*	Việc này đã để lại cái hận nghìn năm
分分爭言恐錢盡	*Phân phân tranh ngôn khung tiền tận*	Tranh cãi lẫn nhau sợ hết không còn tiền
契丹邊酋據幽薊	*Khiết Đan biên tù cứ U Kế* [29]	Kẻ mọi rợ Khiết Đan ở biên cương chiếm cứ U Kế
情知宋人勢不振	*Tình tri Tống nhân thế bất chấn*	Biết rằng thế của người Tống không thể ngoi lên được
要功力駁新約書	*Yểu công lực bác tân ước thư*	[Nên họ] ra sức bác bỏ hoà ước mới
我亦恬熙不復問	*Ngã diệc điềm hi bất phục vấn*	Còn bên ta thì cứ điềm nhiên không dám đòi hỏi ngược trở lại
南陲從此事更多	*Nam thùy tòng thử sự cánh đa*	Biên thuỳ phương nam từ đó rất nhiều việc
漏師伺釁日紛拏	*Lậu sư tứ hấn nhật thân noa*	Ra quân gây hấn mỗi ngày càng rõ hơn
毅然一疏請再往	*Nghị nhiên nhất sớ thỉnh tái vãng*	Ông lại dâng sớ xin đi thêm lần nữa
諸國曲直令平他	*Chư quốc khúc trực lệnh bình tha*	[Bày tỏ việc] Ngay hay cong của các nước cho rõ ràng
向者紛紛更誰可	*Hướng giả phân phân cánh thùy khả*	Phía bên kia cứ khăng khăng nói không chịu
進退維谷公奈何	*Tiến thoái duy cốc công nại hà*	Tiến thoái cùng đường, ông thật chẳng biết phải làm sao
軟慈硬首戎集冠	*Nhuyễn từ ngạnh thủ nhung tập quán*	Cái thói của kẻ mọi rợ nói thì mềm mà tay thì cứng
楚於黄蓼費甚麼	*Sở ư Hoàng liêu*[30] *phí thậm ma*	Sở họp ở Hoàng, Liêu thì thật phí công

[29]U Kế: châu U, châu Kế phía bắc Trung Hoa. ĐờiTống, người Kim chiếm phương bắc, nhà Tống giữ phương nam nước Tàu nên gọi là Nam Tống

昔年和約立	*Tích niên hòa ước lập*	Năm trước hoà ước thành lập
甘作罪人紓緩急	*Cam tác tội nhân thư hoãn cấp*	Đành chịu cái tiếng tội nhân để làm dịu tình hình gấp gáp
今也隆江河	*Kim dã Long Giang Hà*	Nay lại thêm [Vĩnh] Long, [An] Giang, Hà [Tiên]
風雨飄搖勢岌岌	*Phong vũ phiêu diêu thế ngập ngập*	Gió mưa lồng lộng thế nguy ngập
田廣不虞爲所襲	*Điền quảng bất ngu vi sở tập*	Đất đai rộng lớn không lo toan nên đã bị tấn công
責當歸己何嗟及	*Trách đương quy kỷ hà ta cập*	Trách nhiệm thuộc về ta than thở sao kịp nữa
封疆之死封疆臣	*Phong cương[31] chi tử phong cương thần*	Phong cương đại thần đành lấy cái chết ở nơi đất mình cai quản
取義成人諒所執	*Thủ nghĩa thành nhân lượng sở chấp*	Giữ chữ nghĩa để thành người nên phải giữ
一封遺表披衷曲	*Nhất phong di biểu phi trung khúc*	Một tờ di biểu tỏ tấm lòng của mình
憂國深心堪涕泣	*Ưu quốc thâm tâm kham thế khấp*	Lo cho nước trong thâm tâm đáng để lên tiếng khóc
昔哉雲雷丁辰艱	*Tích tai vân lôi đinh thời gian*	Tiếc thay trong giờ phút bão tố này
公以忠諒當其難	*Công dĩ trung lượng đương kỳ nan*	Ông đem tấm lòng trung để đương đầu với khó khăn
疆事終須歸洞燭	*Cương sự chung tu quy đồng chúc*	Việc đất đai rồi sẽ được soi chiếu đến

[30]Ý nói việc làm chính đáng nhưng bên kia không theo thì cũng chẳng ích gì. (Tả truyện: Đông Chu năm 704 TCN, thế lực thiên tử suy yếu, vua Sở là Hùng Thông muốn xưng vương vị nên hội chư hầu ở Trầm Lộc, nhưng nước Hoàng và nước Tùy không đến dự).

[31]*Phong cương đại thần* chỉ tổng đốc, trấn nhậm một vùng.

衆人却作誤國看	*Chúng nhân khước tác ngộ quốc khan* [32]	Người đời vẫn xem như làm hỏng việc nước
平生德業聞朝野	*Bình sinh đức nghiệp văn triều dã*	Trước nay đức độ của ông trong ngoài triều đình đều nghe biết
發為文章絕古雅	*Phát vi văn chương tuyệt cổ nhã*	Văn chương viết ra đều cổ kính nhã nhặn
三朝四紀七衺[33]身	*Tam triều tứ kỷ thất trật thân*[34]	Ba đời vua làm quan bốn mươi năm và đã bảy mươi tuổi
祇慎一心無夙夜	*Chi thận nhất tâm vô túc dạ*	Giữ lòng cẩn thận không kể ngày đêm
況乎歷閱之所經	*Huống hồ lịch duyệt chi sở kinh*	Huống hồ với kinh nghiệm từng trải qua
信敬可行遍夷夏	*Tín kính khả hành biến Di*[35] *Hạ*	Được tin tưởng về đức hạnh đối với cả Di [tức người Pháp] lẫn người Hán [chỉ người Việt]
世間眞個讀書立品人	*Thế gian chân cá độc thư lập phẩm nhân*	Trên đời này quả là người đọc sách mà lại có nhân phẩm
臨事應非誤國者	*Lâm sự ưng phi ngộ quốc giả*	Gặp việc ắt không làm lỡ việc nước
嘐嘐得喪場	*Hao hao đắc táng trường*	Hiên ngang trong cõi dù được hay mất
矮人看不破	*Nụy nhân khan bất phá*	Lũ người thấp kém làm sao nhìn thấu được

[32]Quyết định đầu hàng, giao thành không giao tranh của ông dù để tránh đổ máu quân dân Việt, triều đình vẫn kết tội ông là phản quốc, xử án chém sau khi chết, tước bỏ mọi phẩm hàm và đục tên khỏi bia tiến sĩ.

[33]Bản Daudin viết là *cổn*衮,nhầm từ chữ *trật*衺là "mười năm".

[34]Ông làm quan từ 1826-1867, qua ba triều Minh-Mạng, Thiệu-Trị,Tự-Đức.

[35]Những lời bình phẩm trên báo "*Courrier de Saigon*" cùng những lời phân ưu của Eliacin Luro, Henri Rieunier và Paulin Vial cho thấy sự trân trọng của người Pháp đối với phẩm hạnh và tiết tháo của ông.

噏飛囈走生疑詫	*Hấp*[36] *phi nghệ tẩu sinh nghi sá*	Kêu gào run rẩy như mơ ngủ, lúc nào cũng nghi ngờ hoang tưởng
即金風會日推移	*Tức kim phong hội nhật suy di*	Ngày nay thay đổi hàng ngày hàng giờ
宇內大勢人幾知	*Vũ nội đại thế nhân kỷ tri*	Đại thế trong thiên hạ mấy ai biết được
本原軍事傷公志	*Bản nguyên quân sự thương công chí*	Vốn vì việc quân mà làm tổn thương chí của ông
寄概秋風爲綴辭。	*Ký khái thu phong vị chuyết từ.*	Lời vụng về cảm khái gửi gió thu
嗣德二十年八月日	*Tự Đức nhị thập niên bát nguyệt … nhật*	Tự Đức 20 (1867), ngày … tháng Tám
范富庶拜書	*Phạm Phú Thứ bái thư*	Phạm Phú Thứ bái thư

[36]Bản Giá Viên chép *ngàm*唫 nhưng ghi âm *yểm*. Có lẽ chép nhầm. Daudin viết chữ *hấp* 噏, và chú thích đọc là ngàm như *ngàm nghệ* nghĩa là kêu gào mớ ngủ. *Hấp* 噏 cũng chính là dị thể của chữ *ông* 嗡 nghĩa là bay túa ra. *Ông phi nghệ tẩu nghĩa* là "bỏ chạy tứ tán".

PHỤ LỤC 1

— 82 —

X. — TEXTE CHINOIS

[illegible]

Daudin, Pierre, Lê Văn Phúc. ***Phan-Thanh-Gian, 1796-1867, et sa famille d'après quelques documents annamites***. Saigon : Imprimerie de l'Union, 1941. (152 tr,)

PHỤ LỤC 2





KỲ VẤNG NGUYÊN NAM KỲ KINH LƯỢC ĐẠI THẦN
PHAN LƯƠNG KHÊ CÔNG





GỞI VIẾNG TANG NGÀI PHAN LƯƠNG KHÊ NGUYÊN
ĐẠI THẦN KINH LƯỢC SỨ NAM KỲ

Phạm Phú Thứ. ***Giá Viên toàn tập*** : tài liệu nội bộ họ tộc Phạm Phú Viết giới thiệu [bản chép tay chữ Hán và dịch sang tiếng Việt của Phạm Phú Viết. [Kn. xuất bản, Phạm Phú Viết tự xuất bản, 2011. (26 quyển) (Quyển 11: Kinh Hương, có bài điếu văn của Cụ Phạm Phú Thứ gửi viếng tang cụ Phan Thanh Giản.")